

PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CƠ CẤU CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA VÀ QUỐC TẾ TẠI 30 TỈNH, THÀNH PHỐ VIỆT NAM

● ĐÀM THỊ THU TRANG - NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM

TÓM TẮT:

Đưa trên phương pháp phân tích số liệu đa hợp (Compositional Data Analysis - CODA), bài viết phân tích và so sánh các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu của khách du lịch nội địa và quốc tế tại 30 tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Kết quả cho thấy, đối với khách du lịch nội địa, các nhân tố chính ảnh hưởng bao gồm: Địa điểm du lịch; mục đích của chuyến đi; tham khảo thông tin từ bạn bè, người thân và internet; số lần tham quan và phương tiện di chuyển. Còn đối với khách quốc tế, các yếu tố chính ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu ở Việt Nam là: Địa điểm du lịch; chất lượng phục vụ; mục đích chuyến đi; nguồn thông tin tham khảo để quyết định du lịch tại Việt Nam; đặc điểm nhân khẩu học (như nhóm tuổi và nghề nghiệp, khách đến từ thị trường châu Mỹ và châu Á, số lần tham quan Việt Nam).

Từ khóa: Du lịch, khách du lịch nội địa, khách du lịch quốc tế, phương pháp phân tích số liệu đa hợp (Compositional Data Analysis - CODA).

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang trở thành điểm đến du lịch của thế giới, lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng đều qua các năm. Năm 2019, ngành Du lịch nước ta lập kỷ tích lần đầu tiên đón 18 triệu lượt khách quốc tế, tăng 16,2% so với năm 2018. Hơn nữa, du khách nội địa cũng tăng lên do nền kinh tế Việt Nam phát triển với mức tăng trưởng GDP cao (6-7% trong các năm gần đây) và chất lượng cuộc sống ngày càng được cải thiện. Chính phủ Việt Nam chú trọng phát triển kinh tế du lịch và đã phê duyệt Đề án "Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 2016). Chiến lược đặt mục tiêu tổng thu từ ngành Du lịch đóng góp 12 - 14% vào GDP năm 2025 và 15 - 17% vào năm 2030. Không những vậy, chiến lược còn đặt mục tiêu thu hút khách có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Đồng thời, cũng nhấn mạnh

tầm quan trọng của việc thương xuyên điều tra, nghiên cứu thị trường, nhu cầu và thị hiếu của khách du lịch, từ đó xây dựng cơ sở dữ liệu của thị trường du lịch.

Cấu trúc chi tiêu của khách du lịch có ảnh hưởng đến chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam và ngược lại. Cụ thể, mức chi tiêu bình quân một ngày của khách du lịch lại phản ánh chính mức độ thu nhập của người dân địa phương. Đồng thời, nó cũng phản ánh xu hướng chi tiêu của du khách dựa trên đặc điểm và các sản phẩm du lịch của nơi đó. Mức chi bình quân một ngày càng cao sẽ càng tốt cho kinh tế địa phương. Do đó, nghiên cứu về xu hướng chi tiêu của du khách rất cần thiết trong bối cảnh phát triển thị trường du lịch. Nghiên cứu sẽ tạo cơ sở để có những định hướng phát triển phù hợp với nhu cầu và thời đại, từ đó giúp chất lượng dịch vụ du lịch tăng cao và góp phần phát triển ngành Du lịch hơn nữa.

Nghiên cứu này lần đầu tiên sử dụng số liệu chi tiêu của khách du lịch cấp quốc gia. Tác giả xem xét nhiều yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu, gồm cả địa điểm du lịch, nguồn thông tin trước khi du lịch và đặc điểm nhân khẩu học của khách du lịch. Bài viết sử dụng lý thuyết mới về phương pháp phân tích số liệu đa hợp (Compositional data analysis - CODA), gồm nhiều bảng biểu và mô hình hồi quy, để xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp phân tích số liệu đa hợp (Bảng 1)

Dữ liệu đa hợp được biểu diễn bởi một véc tơ đa hợp S gồm D tỉ trọng được biểu diễn trong đơn hình S^D .

$$S^D = \{S = (S_1, S_2, \dots, S_D) : S_j > 0, j = 1, 2, \dots, D, \sum_{j=1}^D S_j = 1\}.$$

Trong đó, kí hiệu \cdot là chuyển vị của véc tơ S và tổng các tỉ trọng của véc tơ S bằng 1 hoặc 100%.

Vì mối quan hệ phụ thuộc giữa các tỉ trọng S_1, S_2, \dots, S_D , tức là tổng bằng 1, các mô hình hồi quy thông thường sẽ không được áp dụng. Phép toán tỉ lệ logarit đẳng cự (isometric log-ratio, ILR) chuyển đổi D tỉ trọng trong đơn hình về véc tơ gồm $D-1$ tọa độ trong không gian Euclide thông thường. Phép biến đổi ILR dựa trên tọa độ cân bằng (Balance Coordinates) từ phân tử dãy nhị nguyên (Sequential Binary Bartition, SBP) của D tỉ trọng. Phép biến đổi ILR có ảnh ngược, tức là có thể lấy nghịch đảo của ILR để đạt các giá trị tỉ trọng tương ứng trong đơn hình S^D . Sau quá trình biến đổi, các giá trị ILR có thể đóng vai trò là biến phụ thuộc hoặc biến độc lập trong mô hình hồi quy thông thường (tức lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất OLS), xem Trinh (2019).

Để tạo tọa độ cân bằng đầu tiên, D tỉ trọng được chia thành 2 nhóm: một nhóm cho tử số và một nhóm cho mẫu số. Ở bước tiếp theo, một trong hai nhóm lại được tách thành 2 nhóm con để tạo ra tọa độ cân bằng thứ hai trong khi giữ cố định nhóm còn lại. Ở bước thứ k , ILR _{k} tọa độ cân bằng thứ k được tạo ra từ nhóm có $r_k + 1$ phân tử, trong đó r_k phân tử S_1, \dots, S_{r_k} ở tử số, 1 phân tử S_{r_k+1}, \dots, S_D ở mẫu số.

Công thức tính ILR _{k} là:

$$ILR_k = \sqrt{\frac{r_k \cdot t_k}{r_k + t_k}} \ln \frac{r_k \cdot \overline{S_1 \dots S_{r_k}}}{t_k \cdot \overline{S_{r_k+1} \dots S_D}}$$

với $k = 1, 2, \dots, D-1$

Để tạo bảng phân tử, tại mỗi bước, nhóm ở tử đánh số là 1, nhóm ở mẫu đánh số là -1, nhóm cố định đánh số là 0.

Đối với từng khách du lịch, véc tơ tỉ trọng chi tiêu bình quân 1 ngày của khách cho từng khoản mục, tức là $S = (S_{Accommodation}, S_{Food}, S_{Travel}, S_{Activity})$ là một thành phần của đơn hình S^4 . Nghiên cứu sử dụng phân tử dãy nhị nguyên được minh họa trong Bảng 1, tương tự như [Hường, 2020]. Trong đó, phân tử $\{S_{Activity}, S_{Travel}\}$ và $\{S_{Food}, S_{Accommodation}\}$ thể hiện xu hướng chi tiêu khoản mục linh động và khoản mục cơ bản. Các bước phân tử tiếp theo được phân chia nhỏ từng khoản mục ở trên.

Ứng với phân tử dãy nhị nguyên ở Bảng 1, phép biến đổi ILR tương ứng, gồm 3 biểu thức là:

$$ILR_1 = \ln \frac{\sqrt{S_{Activity} S_{Travel}}}{\sqrt{S_{Food} S_{Accommodation}}};$$

$$ILR_2 = \sqrt{\frac{1}{2}} \ln \frac{S_{Activity}}{S_{Travel}};$$

$$ILR_3 = \sqrt{\frac{1}{2}} \ln \frac{S_{Food}}{S_{Accommodation}}$$

Mô hình hồi quy đa hợp (Compositional Regression Model) xem xét các nhân tố tác động đến cơ cấu chi tiêu, gồm 3 mô hình hồi quy tuyến tính tương ứng với 3 biến đổi ILR và các biến độc lập trong các mô hình là giống nhau.

Cụ thể:

$$ILR_{j,i} = \alpha_j + \sum_{k=1}^n \beta_{j,k} X_{k,i} + \epsilon_{j,i} \quad (i = 1, 2, 3) \quad (1)$$

Trong đó, X_k bao gồm các đặc điểm nhân khẩu học của khách du lịch (nhóm tuổi, giới tính, nghề nghiệp), mục đích chuyến đi, phương tiện di chuyển, số lần tham quan, nguồn thông tin tham khảo, mức độ ấn tượng và hành vi chi tiêu tham quan, châu lục (đối với khách quốc tế) và thành phố

Bảng 1. Phân tổ dây nhợ nguyên (SBP)

$S_{Activity}$	S_{Travel}	S_{Food}	$S_{Accommodation}$	Ý nghĩa
1	1	1	1	Phân tổ ($S_{Activity}$, S_{Travel}) và (S_{Food} , $S_{Accommodation}$)
1	-1	0	0	Phân tổ $S_{Activity}$ và S_{Travel}
0	0	1	-1	Phân tổ S_{Food} và $S_{Accommodation}$

2.2. Số liệu điều tra chi tiêu của khách du lịch

Nghiên cứu này dựa trên số liệu điều tra chi tiêu của khách du lịch được Tổng cục Thống kê điều tra vào tháng 7/2013 (Tổng cục Thống kê, 2017)¹. Bộ số liệu gồm cả khách du lịch nội và khách quốc tế đến Việt Nam. Bộ số liệu thu thập chi tiêu bao gồm của khách tự sắp xếp đi và khách đi theo tour. Nghiên cứu này hạn chế trên khách nội địa và khách quốc tế đi theo hình thức tự sắp xếp.

Phiếu điều tra du lịch thu thập thông tin về nhân khẩu học của khách du lịch - bao gồm: nhóm tuổi, giới tính, mục đích chuyến đi, các nguồn thông tin tham khảo - để quyết định chuyến đi và mức độ hài lòng trong chuyến đi. Đặc biệt, điều tra chú trọng vào chi tiêu ở từng khoản mục của khách du lịch như mục đích của cuộc điều tra. Trong đó, phương pháp tổng hợp số liệu được áp dụng theo phương pháp bình quân.

Các chi phí trong chuyến du lịch được chia thành các khoản mục chính: (1) Tiền thuê phòng (Accommodation); (2) Tiền ăn uống (Food); (3) Tiền đi lại (Travel); (4) Chi phí tham quan; (5) Chi phí mua hàng hóa, quà lưu niệm, kỷ niệm; (6) Chi phí dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí; (7) Chi phí mua thuốc chữa bệnh, dịch vụ y tế; (8) Chi phí khác. Dựa vào thống kê cơ bản của chi tiêu bình quân 1 ngày và chi tiêu bình quân từng khoản mục 1 ngày của du khách, nghiên cứu gộp chung các khoản mục (4) đến khoản mục (8) và gọi chung là khoản mục chi vào các hoạt động (Activity).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm cơ bản của khách du lịch nội địa và quốc tế theo hình thức tự sắp xếp

Từ bộ số liệu điều tra thống kê, có 17.218 khách nội địa trong nghiên cứu này. Chi tiêu bình quân 1 ngày khách là 1.241 nghìn đồng. Trung bình 1 lượt khách ở lại địa điểm du lịch là 2,7 ngày. Nhóm nghề nghiệp công nhân viên chức chiếm

36,6% - nhiều nhất trong các ngành nghề. Hầu hết khách du lịch (95%) hài lòng với chuyến đi.

Đối với khách du lịch quốc tế theo hình thức tự sắp xếp có 5.452 khách trong nghiên cứu này. Chi tiêu bình quân 1 ngày khách là 136,2 USD. Trung bình 1 lượt khách ở lại địa điểm du lịch là 4,3 ngày. Hầu hết khách du lịch (94,4%) hài lòng với chuyến đi. Khách du lịch chủ yếu đến từ châu Á và châu Âu (chiếm 77%).

Đối với khách du lịch nội địa và quốc tế thì khách du lịch chủ yếu là nam giới và tỉ lệ nam giới gần gấp đôi nữ giới. Nhóm tuổi du lịch chủ yếu từ 24 đến 25 tuổi và 34 đến 44 tuổi - hai nhóm tuổi này có tỉ lệ tương đối bằng nhau. Trong các mục đích du lịch, mục đích nghỉ ngơi, tham quan và vui chơi giải trí chiếm nhiều nhất. Trước chuyến đi du lịch, khách du lịch sẽ tham khảo trên 1 nguồn thông tin (dựa trên 6 nguồn thông tin: bạn bè, người thân; sách, báo, tạp chí; Internet; công ty du lịch; tivi; được mời). Trong đó, nguồn tham khảo phổ biến nhất là từ bạn bè và người thân.

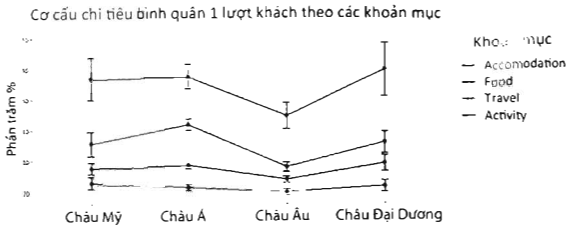
3.2. Cơ cấu chi tiêu của khách du lịch quốc tế và nội địa theo hình thức tự sắp xếp

Hình 1 cho thấy, phân bố tỉ lệ chi tiêu (%) bình quân 1 ngày khách theo từng khoản mục của khách du lịch quốc tế theo 4 châu lục và không có sự khác biệt nhiều về xu hướng, theo thứ tự từ bé đến lớn là: Travel, Food, Accommodation, Activity. (Hình 1)

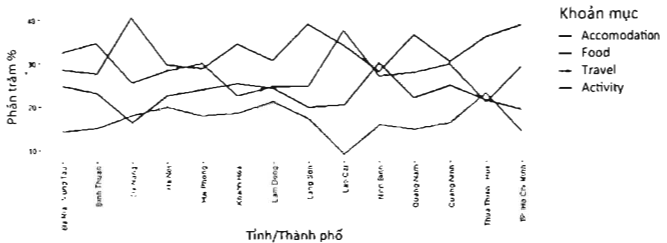
Hình 2 thể hiện tỉ lệ chi tiêu 1 lượt khách cho từng khoản mục: Accommodation, Food, Travel, Activity tại 30 tỉnh thành của khách nội địa, đi theo hình thức tự sắp xếp (Hình 2)

Về cơ cấu chi tiêu, tại hầu hết các tỉnh đối với cả khách quốc tế và nội địa chi tiêu cho các hoạt động (Activity) chiếm tỉ trọng lớn nhất. Tuy nhiên, khách quốc tế chi tiêu cho hoạt động nhiều hơn (trên 40%), thậm chí Châu Đại Dương chi cho hoạt động lên tới 60%, trong khi khách nội địa chi cho hoạt động khoảng 30%. Sự khác nhau này có

Hình 1: Tỷ lệ chi tiêu theo từng khoản mục của khách du lịch quốc tế



Hình 2: Tỷ lệ chi tiêu cho 4 khoản mục: Accomodatin, Food, Travel, Activity tại 30 tỉnh thành của khách nội địa đi theo hình thức tự sắp xếp



thể do nhu cầu tham gia các hoạt động của khách du lịch quốc tế nhiều hơn. Tiếp theo, tỉ trọng chi tiêu cho thuê phòng (Accommodation) và ăn uống (Food) chiếm vị trí thứ 2, tùy theo từng tỉnh. Chi tiêu cho đi lại (Travel) chiếm tỉ trọng thấp nhất ở tất cả các tỉnh.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu của khách du lịch

Lựa chọn các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu được tiến hành thông qua mô hình hồi quy từng bước kết hợp với phương pháp lựa chọn loại bỏ. Đầu tiên, nhóm tác giả dựa vào mô hình hồi quy toàn bộ các biến ở Bảng 2, Bảng 3 và sẽ loại bỏ lần lượt từng biến nếu biến đó không có ý nghĩa tức là p-value lớn hơn 0,05. Kết quả hồi quy được

thể hiện ở Bảng 2, Bảng 3 với ít nhất một trong ba hệ số hồi quy có ý nghĩa. Hệ số R bình phương hiệu chỉnh (R^2_{adjust}) được thể hiện ở dòng cuối cùng của Bảng 2, Bảng 3. Hệ số này tương đối nhỏ và cũng theo xu hướng của các mô hình hồi quy đa hợp trước đó.

Bảng 2 cho thấy, khách quốc tế có mục đích chuyến đi là du lịch nghỉ ngơi, giải trí, vui chơi so với mục đích khác có xu hướng chi tiêu nhiều hơn cho các khoản mục: Activity-Travel so với Food-Accommodation; Activity so với Travel; Food so với Accommodation. Khách quốc tế đến từ lần thứ 2 trở lên, so với đến lần đầu tiên có xu hướng chi tiêu ít hơn cho các khoản mục: Accommodation-Travel so với Food-Accommodation; Travel so với Activity;

Bảng 2. Hệ số hồi quy của mô hình đa hợp (1) đối với khách quốc tế

Biến ảnh hưởng	Hệ số hồi quy ILR_1	Hệ số hồi quy ILR_2	Hệ số hồi quy ILR_3
Hệ số tự do	-0.15	0.1	-0.06
Có ấn tượng phong cảnh đẹp	0.12 *	-0.02	0.03 *
Có ấn tượng chất lượng phục vụ	-0.2 ***	-0.08	-0.08 ***
Có tham khảo thông tin từ Internet	0.12 *	0.01	0.02
Có tham khảo thông tin từ bạn bè/người thân	0.03	0.03	0.06 ***
Có tham khảo thông tin từ sách	-0.03	0.02	0.03
Mục đích du lịch nghỉ ngơi, tham quan, vui chơi	0.18 **	0.26 **	0.05 *
Lần thứ hai hoặc nhiều đến Việt Nam (mặc định: Lần 1)	-0.17 **	0.04	-0.06 ***
Châu Á	-0.18 *	0.04	-0.12 ***
Châu Âu	-0.09	-0.05	0.02
Châu Đại Dương	-0.02	0.1	0
Từ 25 đến 34 tuổi	-0.01	0.07	-0.05 *
Từ 35 đến 44 tuổi	-0.16	0.06	-0.09 ***
Từ 45 đến 54 tuổi	-0.26 **	-0.06	-0.11 ***
Trên 54 tuổi	-0.08	0.21	-0.12 ***
Công chức/viên chức	-0.17 **	-0.03	-0.01
Nghề nghiệp khác	-0.07	-0.03	-0.02
Hệ số R bình phương hiệu chỉnh	0.018	0.0003	0.055

Mức độ ý nghĩa: *10%, **5%, ***1%.

Food so với Accommodation. Khách đến từ một trong ba châu: châu Âu, châu Á, châu Đại Dương so với châu Mỹ có xu hướng chi tiêu ít hơn cho các khoản mục: Activity-Travel so với Food-Accommodation. Khách ở từng nhóm tuổi già hơn so với nhóm trẻ nhất (15-24 tuổi) có xu hướng chi tiêu ít hơn cho các khoản mục: Activity-Travel so với Food-Accommodation; Food so với Accommodation. (Bảng 2)

Bảng 3 cho thấy, đối với khách du lịch nội địa thì khách đi với mục đích tham dự hội nghị, hội thảo so với khách đi du lịch với các mục đích thăm họ hàng, bạn bè, du lịch nghỉ ngơi, tham quan và vui chơi giải trí, thưởng mại và các mục đích khác, có xu hướng tăng chi tiêu tỉ lệ chi tiêu cho khoản mục Travel và Accommodation. Với các khách nội địa đến địa điểm

du lịch từ lần thứ 3, họ có xu hướng giảm chi tiêu cho nhóm Food-Accommodation và tăng chi tiêu cho nhóm Activity-Travel. Khách du lịch đã tham khảo bạn bè, người thân và internet có xu hướng tăng tỉ lệ chi tiêu cho Activity-Travel trong khi giảm mức chi cho Accommodation và Food. (Bảng 3)

4. Kết luận

Nghiên cứu đã tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu của khách du lịch quốc tế và nội địa đi theo hình thức tự sắp xếp năm 2013.

Đối với khách quốc tế thì đặc điểm giới tính không ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu, các yếu tố có ý nghĩa thống kê đến cơ cấu chi tiêu của khách là: địa điểm du lịch, chất lượng phục vụ, mục đích chuyến đi, nguồn thông tin tham khảo

Bảng 3. Hệ số hồi quy của mô hình đa hợp (1) đối với khách nội địa

Biến ảnh hưởng		Hệ số hồi quy ILR_1	Hệ số hồi quy ILR_2	Hệ số hồi quy ILR_3
Hệ số tự do		-1.16 ***	-1.53 ***	-0.43 ***
Mục đích chuyến đi (Mặc định: Hời hợt, hội thảo)	Thăm họ hàng, bạn bè	0.27 ***	0.41 ***	0.05 ***
	Du lịch nghỉ ngơi, tham quan, vui chơi giải trí	0.24 ***	0.44 ***	0.17 ***
	Thương mại	0.08	-0.03	
	Các mục đích khác	0.19 ***	0.2 *	0.08 ***
Lần thứ mấy đến tỉnh (Mặc định: Lần 1)	Lần 2	-0.02	0.03	0.05 ***
	Lần thứ 3 trở lên	-0.07 *	-0.1	0
Tham khảo thông tin từ đâu?	Internet	0.15 ***	0.21 **	0
	Bạn bè, người thân	0.05 *	0.08	0.03 **
Phương tiện chính trong chuyến đi (Mặc định: Máy bay)	Ô tô	-0.07	0.47 ***	0.03 ***
	Phương tiện khác	-0.25 ***	0.63 ***	0.07 ***
	Tàu hỏa	-0.05	0.51 ***	0.12 ***
Ăn uống phong cảnh đẹp (Mặc định: Không)	Có	0.08 **	0.21 ***	0.05 **
Hệ số R bình phương hiệu chỉnh		0.039	0.034	0.04

Mức độ ý nghĩa *10%, **5%, ***1%.

để quyết định du lịch tại Việt Nam, đặc điểm nhân khẩu học (như nhóm tuổi và nghề nghiệp, khách đến từ thị trường châu Mỹ và châu Á, số lần tham quan Việt Nam)

Đối với khách nội địa nghiên cứu cho thấy, đặc điểm nhân khẩu học không có ý nghĩa thống kê đến cơ cấu chi tiêu. Các yếu tố có ý nghĩa thống kê đến cơ cấu chi tiêu của khách là: địa điểm đến, mục đích chuyến đi, các nguồn thông tin tham khảo trước chuyến đi, số lần tham quan điểm đến, phương tiện di chuyển và ấn tượng phong cảnh của điểm đến. Trong đó, mục đích chuyến đi thể hiện sự khác biệt và dao động lớn đến cơ cấu chi tiêu.

Từ nghiên cứu này cũng nổi lên vấn đề cần

quan tâm đối với ngành Du lịch là: trong 5 đặc điểm ấn tượng tại điểm tham quan (phong cảnh đẹp, thái độ của người dân nơi đến du lịch, chất lượng phục vụ của các cơ sở lưu trú, chất lượng phục vụ tại các điểm tham quan, hàng hóa rẻ), cả khách du lịch quốc tế và nội địa chỉ hài lòng trung bình 1 đến 2 đặc điểm. Đặc biệt, phong cảnh đẹp là đặc điểm được ấn tượng nhất của du khách. Điều này có thể thấy rằng, chất lượng phục vụ tại các cơ sở lưu trú và các địa điểm tham quan là vấn đề cần được cải thiện và nâng cao hơn nữa. Ngoài ra, cũng cần tăng thêm về số lượng và chất lượng các hoạt động vui chơi, giải trí để khách du lịch có thể chi nhiều hơn, hài lòng nhiều hơn và muốn quay trở lại nhiều hơn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

I. Coenders, G. and Russell, B.F. (2020). *Compositional data analysis in tourism. Review and future directions*. *Tourism Analysis*, 23 (1): 153-168.

2. Gerald Boogaart, K. and Tolosana-Delgado R. (2013). *Analyzing compositional data with R*. Springer, Berlin, 258 pages
3. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020: Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*.
4. Trinh, H.T., Morais, J., Thomas-Agnan, C. and Simioni, M. (2019). *Relations between socio-economic factors and nutritional diet in Vietnam from 2004 to 2014: New insights using compositional data analysis*. *Statistical Methods in Medical Research*, 28 (8): 2305-2325.
5. Trình Thị Hương, Lê Văn Tuấn và Đàm Thị Thu Trang (2020) Sử dụng phương pháp CoDa trong đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến cơ cấu chi tiêu của khách du lịch nội địa. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 09 (727): 26-31.

Ngày nhận bài: 2/4/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 12/4/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/4/2020

Thông tin tác giả:

ThS. ĐÀM THỊ THU TRANG

ThS. NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM

Trưởng Đại học Thương mại

ANALYSING AND COMPARISING FACTORS AFFECTING THE SPENDING OF DOMESTIC AND INTERNATIONAL TOURISTS IN 30 PROVINCES AND MUNICIPALITIES OF VIETNAM

● MA. DAM THU TRANG

● MA. NGUYEN THI QUYNH TRAM

Thuongmai University

ABSTRACT:

This study's analyses were done by using the Compositional Data Analysis (CODA) method. This study used survey data from 30 provinces and municipalities of Vietnam in 2013. This study found that the spending of domestic tourists are affected by these following factors, namely tourist destinations, purpose of travel, information consulted from friends, relatives and the Internet, visit times and modes of transport. Meanwhile, the spending of international visitors in Vietnam is mainly driven by these following factors, namely tourist destinations, service quality, purpose of travel, reference sources for visiting Vietnam, demographic characteristics such as age groups and occupations, nationalities of tourists and visit times.

Keywords: Tourism, domestic tourists, international tourists, Compositional Data Analysis (CODA).